



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 23 tháng 2 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 23 tháng 2 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh

Ông Hồ Hùng Anh

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Lars Kjaer
Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(từ ngày 17 tháng 3 năm 2016)
Thành viên
(đến ngày 16 tháng 3 năm 2016)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen
Ông Seokhee Won
Ông Nguyễn Anh Nguyên

Ông Lê Trung Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 15 tháng 8 năm 2016)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 15 tháng 2 năm 2017)

Đại diện pháp lý

Dr Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày bản công bố này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 82.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-467 (b)



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		22.876.206	16.709.473
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	13.148.938	8.324.476
Tiền	111		941.318	918.656
Các khoản tương đương tiền	112		12.207.620	7.405.820
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	1.771.012	293.990
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.771.012	293.990
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8	2.277.055	3.126.527
Phải thu của khách hàng	131		1.295.848	878.130
Trả trước cho người bán	132		283.315	872.866
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	762.400
Phải thu ngắn hạn khác	136		739.100	641.598
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(41.208)	(28.589)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	122
Hàng tồn kho	140	9	5.389.531	4.417.969
Hàng tồn kho	141		5.416.696	4.434.592
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.165)	(16.623)
Tài sản ngắn hạn khác	150		289.670	546.511
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.482	79.536
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		171.398	445.579
Thuế phải thu Nhà nước	153	17	11.790	21.396

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		50.162.832	55.140.227
Các khoản phải thu dài hạn	210	8	1.817.067	10.432.139
Phải thu về cho vay dài hạn	215		369.700	8.563.114
Phải thu dài hạn khác	216		1.447.367	1.869.025
Tài sản cố định	220		29.821.492	26.998.134
Tài sản cố định hữu hình	221	10	23.317.266	19.965.062
<i>Nguyên giá</i>	222		27.576.775	22.597.132
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.259.509)	(2.632.070)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	17.947	31.407
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300	67.300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(49.353)	(35.893)
Tài sản cố định vô hình	227	12	6.486.279	7.001.665
<i>Nguyên giá</i>	228		7.989.536	7.906.859
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.503.257)	(905.194)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.356.227	5.480.035
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.356.227	5.480.035
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	12.240.702	9.144.883
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		12.219.056	9.124.149
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		21.646	21.646
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(912)
Tài sản dài hạn khác	260		3.927.344	3.085.036
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.869.569	2.042.622
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	313.272	213.737
Lợi thế thương mại	269	16	744.503	828.677
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		73.039.038	71.849.700

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		52.726.413	44.740.654
Nợ ngắn hạn	310		17.898.443	15.005.196
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.427.338	2.419.059
Người mua trả tiền trước	312		86.812	139.989
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	546.109	504.532
Phải trả người lao động	314		204.231	257.716
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.456.392	2.875.921
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.527.993	398.473
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	8.618.340	8.366.625
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		31.228	42.881
Nợ dài hạn	330		34.827.970	29.735.458
Phải trả người bán dài hạn	331		88.335	75.845
Chi phí phải trả dài hạn	333	18	37.164	-
Phải trả dài hạn khác	337	19	30.935	97.813
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	32.472.398	27.253.112
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	1.573.844	1.692.753
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	625.294	615.935

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

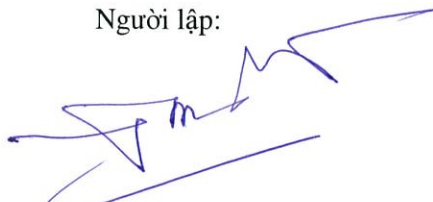
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		20.312.625	27.109.046
Vốn chủ sở hữu	410	22	20.312.625	27.109.046
Vốn cổ phần	411	23	7.680.757	7.467.179
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.680.757	7.467.179
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	10.649.796	9.631.106
Vốn khác của chủ sở hữu	414	24	(9.426.958)	(9.045.049)
Cổ phiếu quỹ	415	23	(641.110)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.874)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.015.545	8.561.380
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.014.072	7.069.066
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		1.473	1.492.314
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.036.469	10.494.430
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		73.039.038	71.849.700

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
*Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Tài chính*



Đ. Nguyễn Đăng Quang
*Chủ tịch
 Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Doanh thu bán hàng	01	27	45.100.176	31.324.871
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	1.803.112	696.461
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	43.297.064	30.628.410
Giá vốn hàng bán	11	28	30.366.979	20.819.786
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		12.930.085	9.808.624
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	769.194	1.382.303
Chi phí tài chính	22	30	3.291.226	2.714.701
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.112.480</i>	<i>2.425.305</i>
Lãi từ các công ty liên kết	24	7	979.938	499.017
Chi phí bán hàng	25	31	4.970.503	4.044.357
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.936.381	1.664.517
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		4.481.107	3.266.369
Thu nhập khác	31		14.672	34.513
Chi phí khác	32		49.376	74.153
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(34.704)	(39.640)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)	50		4.446.403	3.226.729

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

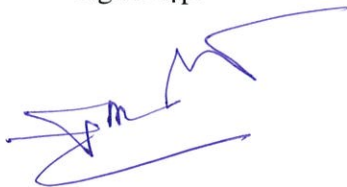
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)	50		4.446.403	3.226.729
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	892.321	817.534
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(218.415)	(118.055)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.772.497	2.527.250
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		2.791.444	1.478.292
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		981.053	1.048.958
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đã điều chỉnh lại) (VND)	70	35	2.462	1.317
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đã điều chỉnh lại) (VND)	71	35	2.462	1.316

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr. Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.446.403	3.226.729
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.379.260	1.814.926
Các khoản dự phòng	03	124.986	144.193
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.324	17.866
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(1.666.453)	(1.798.838)
Chi phí lãi vay	06	3.112.480	2.425.305
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	8.420.000	5.830.181
Giảm các khoản phải thu và tài sản khác (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09 10	224.311 (1.025.916)	89.060 283.372
Tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	473.569	1.270.210
Tăng chi phí trả trước	12	(105.699)	(18.263)
		7.986.265	7.454.560
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.958.543)	(2.318.538)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(895.387)	(1.306.820)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.734)	(6.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.118.601	3.822.772
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.920.583)	(3.856.825)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	13.292	6.087
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(94.467.254)	(62.229.339)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	101.946.046	57.373.597
Tiền chi đầu tư	25	(25.071.491)	(3.708.222)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26	218.701	3.536.943
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và thu nhập khác	27	1.116.662	767.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.164.627)	(8.110.052)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

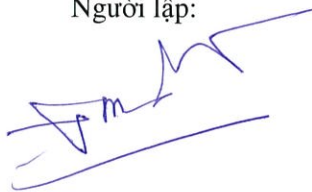
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31	15.579.566	264.123
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu và cổ phiếu quỹ	32	(908.037)	-
Tiền thu từ đi vay	33	29.017.143	39.553.432
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.625.559)	(31.741.770)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(14.155)	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của các công ty con	36	(177.474)	(640.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.871.484	7.435.355
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.825.458	3.148.075
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	8.324.476	5.166.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(996)	9.986
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	13.148.938	8.324.476

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr. Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

Các hoạt động chính của các công ty con và các công ty liên kết được mô tả như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	1/1/2016
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings (“MCH”)	Tư vấn quản lý đầu tư	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	85,7%	100,0%
2	Công ty Cổ phần Tâm Nhìn Masan (“MH”)	Tư vấn quản lý đầu tư	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	99,9%
3	Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science) (“MNS”)	Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	89,4%	99,9%

Công ty con sở hữu gián tiếp

1	Công ty TNHH Masan Brewery (“MB”)	(i) Tư vấn quản lý đầu tư	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	57,1%	100,0%
2	Công ty TNHH Masan Master Brewer (“MMBr”)	(i) Kinh doanh bia và nước giải khát	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	57,1%	100,0%
3	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY (“MBPY”)	(i) Sản xuất bia và nước giải khát	Khu Công nghiệp Hòa Hiệp, Xã Hòa Hiệp Bắc, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	57,1%	100,0%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	1/1/2016
4	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG (“MBHG”)	(i) Sản xuất bia và nước giải khát	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	57,1%	100,0%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution (“MBD”)	(i) Kinh doanh bia và nước giải khát	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	57,1%	100,0%
6	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“MSC”)	(i) Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	83,1%	77,8%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”)	(i) Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	83,1%	77,8%
8	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	(i) Kinh doanh và phân phối	Tầng 4, Đường Amnuay Songkhram Road, Phường Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan	83,1%	-
9	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”)	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	83,1%	77,8%
10	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”)	(i) Sản xuất gia vị	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	83,1%	77,8%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 1/1/2016
11	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”)	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Việt Nam	83,1%	77,8%
12	Công ty Cổ phần Ma San PQ (“MPQ”)	(i) Sản xuất gia vị	Khu 1, Thôn Suối Đa, Xã Dương Tô, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	83,1%	73,5%
13	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc (“NPQ”)	(i) Sản xuất gia vị	Khu 1, Thôn Suối Đa, Xã Dương Tô, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	83,1%	-
14	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”)	(i) Sản xuất đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	56,9%	41,4%
15	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”)	(i) Sản xuất và phân phối đồ uống	Số 10 Đường Nội Bộ Hưng Gia 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	48,4%	-
16	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”)	(i) Sản xuất đồ uống	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	73,6%	49,7%
17	Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha (“KRP”)	(i) Sản xuất đồ uống	Km số 37, Quốc lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	73,6%	49,7%
18	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”)	(i) Sản xuất và phân phối đồ uống	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	83,1%	77,8%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	1/1/2016
19	Công ty TNHH Một Thành viên Masan EN (“MDN”)	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	83,1%	77,8%
20	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”)	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Năm Cam – Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	83,1%	77,8%
21	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”)	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đồng Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	83,1%	77,8%
22	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”)	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Thị trấn Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	83,1%	77,8%
23	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”)	(i) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	54,6%	50,6%
24	Công ty TNHH Mapleleaf (“ML”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	99,9%
25	Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan (“MR”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	93,8%	72,7%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu B 09 – DN/HN

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 1/1/2016
26	Công ty TNHH Một Thành viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	93,8%	72,7%
27	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNNT”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	93,8%	72,7%
28	Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“NPM”)	(ii) Khai thác và chế biến quặng	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	93,8%	72,7%
29	Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starek (“NPHCS”)	(ii) Khai thác sâu kim loại màu và kim loại quý (tungsten)	Thôn 11, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	47,8%	37,1%
30	Công ty TNHH Kenji (“Kenji”)	(iii) Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đúc Ké, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	89,4%	99,9%
31	Công ty TNHH Shika (“Shika”)	(iii) Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đúc Ké, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	89,4%	99,9%
32	Công ty Cổ phần Meiji (“Meiji”)	(iii) Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	89,4%	99,9%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	1/1/2016
33	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”)	(iii) Đạm động vật	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	89,4%	70,0%
34	Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANCO Vĩnh Long”)	(iii) Đạm động vật	Khu 4, Tuyến Công nghiệp Cổ Chiên, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	89,4%	70,0%
35	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	(iii) Đạm động vật	Lô B4.06, Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	89,4%	70,0%
36	Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“ANCO Thái Nguyên”)	(iii) Đạm động vật	Lô B5-B6, Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	89,4%	70,0%
37	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiên Giang (“ANCO Tiên Giang”)	(iii) Đạm động vật	Lô 22-23B, Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	89,4%	70,0%
38	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (“ANCO Nghệ An”)	(iii) Đạm động vật	Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cán, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	89,4%	70,0%
39	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (“ANCO Hậu Giang”)	(iii) Đạm động vật	Khu Công nghiệp Tân Phú Thạch – Giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	89,4%	70,0%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	1/1/2016
40	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (“MNF”)	(iii) Chăn nuôi lợn	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	89,4%	-
41	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A) (“MNF N.A”)	(iii) Chăn nuôi lợn	Làng Côn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	89,4%	-
42	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	(iii) Đạm động vật	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	67,2%	68,6%
43	Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ (“Proconco Cần Thơ”)	(iii) Đạm động vật	Lô 13 và Lô 14, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	67,2%	68,6%
44	Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định (“Proconco Bình Định”)	(iii) Đạm động vật	Lô A-2-5 và Lô A-2-6, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	67,2%	68,6%
45	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (trước đây là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Lợi) (“Proconco Hưng Yên”)	(iii) Đạm động vật	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	67,2%	68,6%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2016	1/1/2016
Công ty liên kết sở hữu trực tiếp				
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	Ngân hàng	(*)	(*)
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp				
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("Cholimex")	Sản xuất và kinh doanh gia vị	32,8%	32,8%
2	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát ("Thuận Phát")	Sản xuất bao bì	25,0%	25,0%
3	Công ty Cổ phần Lộc Khang ("Lộc Khang")	Đạm động vật	-	26,2%
4	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình ("Abattoir")	Đạm động vật	25,0%	25,0%
5	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Đồng Nai ("Donatraco")	Đạm động vật	21,3%	21,3%
6	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản ("Vissan")	Sản xuất thực phẩm và bán lẻ	24,9%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các công ty này là các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp của MCH.
- (ii) Các công ty này là các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp của MH.
- (iii) Các công ty này là các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp của MNS.
- (iv) Công ty này là một công ty liên kết sở hữu gián tiếp của MCH.
- (v) Các công ty này là các công ty liên kết sở hữu gián tiếp của MNS.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ các lợi ích kinh tế thực tế của Công ty trong các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp và của các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp trong các công ty liên kết.

- (*) Đối với Techcombank, xem Thuyết minh 7(b)(*).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 10.187 nhân viên (1/1/2016: 9.754 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng triệu Đồng Việt Nam (“Triệu VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán số 11 Hợp nhất kinh doanh và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán số 01 Chuẩn mực chung và Chuẩn mực Kế toán số 21 Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch nào giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản thuần được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(ii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo phương pháp mua, các tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được đánh giá theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(iii) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại cũng được xem xét. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20,0% đến 50,0% quyền biểu quyết của một công ty khác. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm về không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số tiền thanh toán hoặc nhận được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu, ngoại trừ trong trường hợp chênh lệch phát sinh từ các giao dịch liên đới ràng buộc bởi việc phải phát hành cổ phiếu hoặc tăng vốn góp cố thặng dư thì khoản chênh lệch được ghi nhận vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là những đơn vị mà Công ty hoặc các công ty con không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai khoáng bao gồm chi phí phục hồi mỏ và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản được tính khấu hao dựa trên trữ lượng theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản là lượng sản phẩm ước tính có thể được khai thác có lãi và hợp pháp từ tài sản khai khoáng của Tập đoàn.

Tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ tài sản khai khoáng	15 - 20 năm
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được trình bày trong phân chính sách kế toán 2(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 10 năm.

(iii) Thương hiệu

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 10 đến 20 năm.

(iv) Quan hệ khách hàng

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 5 đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Tài nguyên nước khoáng

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh với giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Đối với phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, giá trị của tài nguyên nước khoáng được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 10 đến 37 năm.

(vi) Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác mỏ được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác mỏ và được vốn hóa và hạch toán là một tài sản cố định vô hình. Tiền cấp quyền khai thác mỏ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng mỏ.

(vii) Công nghệ

Công nghệ mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của công nghệ có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

(viii) Quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 9 đến 30 năm.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và thử nghiệm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành “máy móc và thiết bị” và “tài sản khai khoáng” trong tài sản cố định hữu hình hoặc chi phí trả trước dài hạn.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Tài sản khai khoáng khác

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 12727/BTC-TCDN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc ghi nhận các chi phí liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản là chi phí trả trước dài hạn thuộc tài sản dài hạn.

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần “Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ”).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 42 đến 50 năm.

(iv) Chi phí bồi thường đất

Chi phí bồi thường đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

(v) Trục in, công cụ và dụng cụ

Trục in, công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng là từ 1 đến 3 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(vi) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước lệ phí của quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bán mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường. Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời và bản chất của mỏ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và theo đó được khấu hao. Giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, từ đó dẫn đến một phần chi phí được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa bị trích khấu hao thiếu của các tài sản liên quan, trong đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và số điều chỉnh còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(o) Trái phiếu đã phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Công cụ tài chính phái sinh

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc tại ngày ký kết hợp đồng. Lãi hoặc lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu. Ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên bản khảo sát hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được kiểm tra bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi bản khảo sát của khách hàng nằm trong phạm vi sai sót đã được chấp nhận, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(t) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và lãi công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(x) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(y) Chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo chia theo bộ phận kinh doanh

Tập đoàn có ba bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này cung cấp các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống
- Nông nghiệp tiêu dùng: chăn nuôi lợn, sản xuất đạm động vật và thực phẩm; và bán lẻ
- Kinh doanh khác: Khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; các dịch vụ tài chính

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Báo cáo theo bộ phận kinh doanh

	Thực phẩm và đồ uống		Nông nghiệp tiêu dùng		Kinh doanh khác		Tổng	
	2016	2015	2016	2015	2016	2015	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu của bộ phận	14.825.581	13.916.891	24.422.665	14.053.644	4.048.818	2.657.875	43.297.064	30.628.410
Lợi nhuận gộp của bộ phận	6.493.420	6.095.489	5.280.238	2.916.623	1.156.427	796.512	12.930.085	9.808.624
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.661.566	2.245.496	1.937.434	782.474	944.886	164.636	5.543.886	3.192.606
Chi phí không phân bổ							(1.771.389)	(665.356)
Lợi nhuận thuần							3.772.497	2.527.250

Trong bộ phận Kinh doanh khác, Doanh thu và Lợi nhuận gộp của bộ phận đến từ các hoạt động Khai thác mỏ và Chế biến khoáng sản. Ngoài các hoạt động Khai thác mỏ và Chế biến khoáng sản, Kết quả kinh doanh của bộ phận Kinh doanh khác bao gồm thu nhập Dịch vụ Tài chính đến từ phần lãi được chia của Techcombank, như trình bày trong Thuyết minh 7.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thực phẩm và đồ uống		Nông nghiệp tiêu dùng		Kinh doanh khác		Tổng	
	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	18.198.152	19.431.822	18.168.377	14.766.478	35.231.122	34.546.124	71.597.651 1.441.387	68.744.424 3.105.276
Tổng tài sản							73.039.038	71.849.700
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	5.703.114	5.368.413	12.581.924	7.804.983	13.451.049	13.454.736	31.736.087 20.990.326	26.628.132 18.112.522
Tổng nợ phải trả							52.726.413	44.740.654
	2016	2015	2016	2015	2016	2015	2016	2015
Chi tiêu vốn	989.112	1.865.381	746.033	194.788	1.178.946	1.796.516	2.914.091	3.856.685
Chi tiêu vốn không phân bổ			6.492	140	6.492	140	6.492	140
Chi phí khấu hao	507.777	380.125	221.434	102.062	937.251	770.150	1.666.462	1.252.337
Chi phí khấu hao không phân bổ			2.692	4.883	2.692	4.883	2.692	4.883
Chi phí phân bổ	350.871	455.809	401.729	247.772	196.030	115.780	948.630	819.361
Chi phí phân bổ không phân bổ			48.051	4.500	48.051	4.500	48.051	4.500

Một số thông tin báo cáo bộ phận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm hiện hành.

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chỉ tập trung hoạt động kinh doanh trong một vùng địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh

Mua Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”)

Trong tháng 5 năm 2016, VCF, một công ty con của Công ty, đã hoàn tất việc mua 85,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của CDN với tổng khoản thanh toán là 35.000 triệu VND, đã bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua cổ phần này giúp Công ty nắm giữ 48,4% lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế trong CDN tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.444	-	23.444
Phải thu của khách hàng	362	-	362
Trả trước cho người bán	20.894	-	20.894
Phải thu khác	394	-	394
Hàng tồn kho	4.438	-	4.438
Tài sản ngắn hạn khác	3.186	-	3.186
Tài sản cố định hữu hình	8.023	-	8.023
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	513	-	513
Chi phí trả trước dài hạn	1.203	-	1.203
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29	-	29
Nợ ngắn hạn	(3.281)	-	(3.281)
Vay ngắn hạn	(50.000)	-	(50.000)
Tài sản thuần có thể xác định được	9.205	-	9.205
Tổng tài sản thuần mua được			7.824
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 16)			27.176
Khoản thanh toán cho việc mua lại			35.000
Khoản tiền thu được			(23.444)
Tiền thuần chi ra			11.556

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Tổng Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất CDN vào hoạt động kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

Việc mua lại phát sinh trong tháng 5 năm 2016. Do đó, việc đóng góp doanh thu và lỗ sau thuế của hoạt động kinh doanh được mua vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	3.712	8.379
Tiền gửi ngân hàng	937.228	909.225
Tiền đang chuyển	378	1.052
Các khoản tương đương tiền	12.207.620	7.405.820
	13.148.938	8.324.476

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

7. Đầu tư tài chính

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	1.771.012	293.990
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	12.219.056	9.124.149
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (c)	21.646	21.646
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(912)
	12.240.702	9.144.883

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2016		1/1/2016		Giá trị hợp lý Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp sở hữu Triệu VND	% quyền biểu quyết				Giá trị ghi sổ theo phương pháp sở hữu Triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) (*)	19,5%	19,5%	9.807.843	19,5%	(**)	-	8.838.067	(**)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimax (“Cholimex”)	32,8%	32,8%	249.392	32,8%	(**)	-	254.802	(**)
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (“Thuận Phát”)	25,0%	25,0%	9.299	25,0%	(**)	-	8.954	(**)
Công ty Cổ phần Lộc Khang (“Lộc Khang”)	-	-	-	26,2%	-	-	5.016	(**)
Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình (“Abattoir”)	25,0%	25,0%	7.545	25,0%	(**)	-	8.508	(**)
Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Đồng Nai (“Donatraco”)	21,3%	21,3%	9.487	21,3%	(**)	-	8.802	(**)
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (“Vissan”)	24,9%	24,9%	2.135.490	-	(**)	-	-	-
			12.219.056		(**)	-	9.124.149	(**)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	Techcombank Triệu VND	Cholimax Triệu VND	Thuận Phát Triệu VND	Lộc Khang Triệu VND	Abattoir Triệu VND	Donatraco Triệu VND	Vissan Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	8.838.067	254.802	8.954	5.016	8.508	8.802	-	9.124.149
Tăng đầu tư trong năm	-	-	-	-	-	-	2.135.490	2.135.490
Phần lãi/(lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư được chia từ các công ty liên kết	969.776	6.648	1.571	(534)	1.537	940	-	979.938
Có tức	-	(12.058)	(1.226)	(956)	(2.500)	(255)	-	(16.995)
Thanh lý	-	-	-	(3.526)	-	-	-	(3.526)
Số dư cuối năm	9.807.843	249.392	9.299	-	7.545	9.487	2.135.490	12.219.056

(*) Khoản đầu tư vào Techcombank phản ánh khoản đầu tư 30,4% (1/1/2016: 30,4%) lợi ích kinh tế thực tế trong Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Lợi ích kinh tế thực tế của Tập đoàn bao gồm 12,0% lợi ích từ đầu tư trực tiếp (sau ảnh hưởng thuần từ suy giảm do trái phiếu chuyển đổi của 15,0% lợi ích vốn chủ sở hữu hiện hành), 3,7% lợi ích từ đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH Mapleleaf (sau ảnh hưởng thuần từ suy giảm do trái phiếu chuyển đổi của 4,5% vốn chủ sở hữu hiện hành), và 14,7% lợi ích thông qua trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 10 năm phát hành bởi Techcombank mà Công ty đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang trong thời hạn chuyển đổi, theo các quy định pháp lý và các thông lệ được chấp thuận.

(**) Không có thông tin về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo.

Trong năm, Tập đoàn đã mua 24,9% cổ phần của Vissan với số tiền là 2.135 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tập đoàn như sau:

	31/12/2016				1/1/2016					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Công ty PTSC Cảng Đình Vũ	5,9%	5,9%	21.646	-	(*)	5,9%	5,9%	21.646	(912)	(*)

(*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo.

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	912	-
Tăng dự phòng trong năm	-	912
Hoàn nhập	(912)	-
Số dư cuối năm	-	912

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các giao dịch của các công ty con trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 – các giao dịch với cổ đông không kiểm soát

(i) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MCH

Trong tháng 1 năm 2016, Singha Asia Holdings Pte. Ltd. (“Singha”) đã đầu tư 14.317.297 triệu VND vào MCH và MB để nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu lần lượt là 14,3% và 33,3%.

Thêm vào đó, trong tháng 1, tháng 7 và tháng 9 năm 2016, MCH đã tăng lợi ích vốn chủ sở hữu nắm giữ trong MSC từ 77,8% lên 97,0% thông qua việc mua lại cổ phiếu của cổ đông không kiểm soát với tổng khoản thanh toán là 17.896.285 triệu VND, đã bao gồm chi phí giao dịch.

Các giao dịch này dẫn đến lợi ích kinh tế của Công ty trong MCH, MSC và MB đã thay đổi tương ứng thành 85,7% (1/1/2016: 100%), 83,1% (1/1/2016: 77,8%) và 57,1% (1/1/2016: 100%), dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Tiền đã nhận	14.317.297
Tài sản thuần bị suy giảm	(510.302)
Chi phí mua bằng tiền	(17.896.285)
Tài sản thuần tăng thêm	2.310.366
	(1.778.924)

Theo như Thỏa thuận giữa Singha và MCH, Singha có quyền góp vốn đợt 2 vào MCH với số tiền là 450 triệu USD để nắm giữ thêm 10,7% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH. Singha vẫn chưa thực hiện việc góp vốn lần hai tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong tháng 1 và tháng 4 năm 2016, MSB đã mua 3.223.929 cổ phiếu của VHC với tổng khoản thanh toán là 137.197 triệu VND, đã bao gồm chi phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến lợi ích kinh tế của MSB trong VHC đã tăng 24,6% lên 88,6%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Chi phí mua bằng tiền	(137.197)
Tài sản thuần tăng thêm	136.291
	(906)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tháng 2 và tháng 12 năm 2016, MSB đã mua 4.054.863 cổ phiếu của VCF với tổng khoản thanh toán là 665.785 triệu VND, đã bao gồm chi phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến lợi ích kinh tế của MSB trong VCF đã tăng 15,3% lên 68,5%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Chi phí mua bằng tiền	(665.785)
Tài sản thuần tăng thêm	392.661
	(273.124)

Trong tháng 2 năm 2016, MSB cũng đã mua 54.100 cổ phiếu của QNW với tổng khoản thanh toán là 623 triệu VND, đã bao gồm chi phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến lợi ích kinh tế của MSB trong QNW đã tăng 0,7% lên 65,7%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Chi phí mua bằng tiền	(623)
Tài sản thuần tăng thêm	1.243
	620

Trong tháng 6 năm 2016, MSC đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch chi trả bằng cổ phiếu sau khi nhận được phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội Cổ đông, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá, đã bao gồm chi phí giao dịch	30.000
Tài sản thuần bị suy giảm	(50.035)
	(20.035)

Trong tháng 10 năm 2016, MSF đã mua 384.980 cổ phiếu của MPQ với tổng khoản thanh toán là 5.964 triệu VND, đã bao gồm chi phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến lợi ích kinh tế của MSF trong MPQ đã tăng 5,5% lên 99,9%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Chi phí mua bằng tiền	(5.964)
Tài sản thuần tăng thêm	4.292
	(1.672)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MNS

Trong tháng 3, tháng 4, tháng 6 và tháng 12 năm 2016, Công ty đã bán 10,6% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNS với số tiền là 211.051 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Tiền đã nhận	211.051
Tài sản thuần bị suy giảm	(270.438)
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(59.387)
	<hr/>

Trong tháng 1 năm 2016, Kenji đã mua 10.412.088 cổ phiếu của Proconco với tổng khoản thanh toán là 283.209 triệu VND, đã bao gồm chi phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến lợi ích kinh tế của Công ty trong Proconco đã tăng 6,6% lên 75,2%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Chi phí mua bằng tiền	(283.209)
Tài sản thuần tăng thêm	392.580
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	109.371
	<hr/>

Trong tháng 5 năm 2016, MNS đã mua 30,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO (tăng lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong ANCO lên 99,9%) với tổng khoản thanh toán là 1.447.336 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Chi phí mua bằng tiền	(1.447.336)
Tài sản thuần tăng thêm	1.363.196
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(84.140)
	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MR

Công ty con của Công ty, MH, là công ty mẹ của MR, đã mua lợi ích cổ đông không kiểm soát trong MR với giá mỗi cổ phiếu là 15.500 VND, nhằm tăng lợi ích kinh tế của MH trong MR từ 72,7% lên 93,8%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Chi phí mua bằng tiền	(2.348.014)
Tài sản thuần tăng thêm	2.395.883
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	47.869
	<hr/>

Trong giao dịch này, MH mua cổ phần của MR từ MRC Ltd, một cổ đông thiểu số trước đây của MR, nắm giữ 20,0% cổ phần trong MR với số tiền là 2.234.635 triệu VND bằng tiền mặt. Công ty đã ký một thỏa thuận với MRC Ltd, cho phép MRC Ltd mua 12.000.000 cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 95.000 VND (Thuyết minh 23), và Công ty cũng ký một hợp đồng vay với MRC Ltd cho một khoản vay không đảm bảo với số tiền là 35 triệu USD. Khoản vay này phải trả sau hai năm kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất năm là 0% (Thuyết minh 20(**)(a)). Trong trường hợp MRC Ltd bán bất kỳ cổ phiếu nào trong 12.000.000 cổ phiếu của Công ty đã mua trước đó, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm, khoản vay phải trả sẽ được giảm tương ứng. Sau cùng, MRC Ltd đã ký một thỏa thuận để cấp cho Công ty một quyền chọn mua, theo đó Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty sẽ có quyền, nhưng không bắt buộc, mua từ MRC Ltd cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 112.000 VND. Quyền chọn này chỉ được thực hiện trong trường hợp MRC Ltd gửi thông báo thanh toán cho khoản vay trên, sẽ đến hạn sau hai năm kể từ ngày giải ngân. Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được tính dựa trên tỷ lệ số tiền vay đã thanh toán trên tổng số nợ gốc là 35 triệu USD nhân với 12.000.000 cổ phiếu, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm.

(e) Các giao dịch trọng yếu trong các công ty con trong những năm trước

Trong năm 2014, MCH đã cấp quyền mua lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH với số tiền là 525.900 triệu VND cho PENM III Germany GmbH & Co. Kg tại giá đã được thỏa thuận trước và có thể được thực hiện sau 4 năm. MCH có thể tất toán bằng cách phát hành tăng vốn của MCH hoặc Công ty hoặc các bên liên quan khác có thể bàn giao lợi ích kinh tế tương ứng trong MCH.

Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MR

Tại ngày 25 tháng 1 năm 2013, BI Private Equity New Market III K/S (“PENM II”) đã đăng ký mua 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc của MR với số tiền là 520.709 triệu VND. Bên nắm giữ các cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc này sẽ được trả cổ tức hàng năm cố định dao động từ 3,0% đến 10,0% trên vốn gốc và các cổ phiếu ưu đãi này bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong vòng 4 năm. Các cổ phiếu ưu đãi này cũng cho PENM II quyền được nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong trường hợp MR bị giải thể.

Như một phần của hợp đồng, MR có khả năng thực thi chuyển đổi hoặc bắt buộc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông theo như điều khoản quy định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một phần của khoản phải thu ngắn hạn của một công ty con sở hữu gián tiếp được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con đó (Thuyết minh 20).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong khoản trả trước cho người bán có 155.330 triệu VND (1/1/2016: 200.850 triệu VND) liên quan đến khoản trả trước cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Phải thu về cho vay bao gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động đầu tư cho vay khác (*)	-	762.400
	<hr/>	
Phải thu về cho vay dài hạn		
Phải thu từ hoạt động đầu tư cho vay khác (*)	369.700	8.563.114
	<hr/>	

(*) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, là kết quả từ hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao. Trong năm 2016, 10.449.214 triệu VND của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn này đã được thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản phải thu về cho vay dài hạn hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay sẽ đáo hạn vào năm 2018 và tiền lãi sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn, trừ khi được hoàn trả sớm hơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ việc bán các khoản bồi thường	503.533	377.208
Phải thu phi thương mại từ một bên liên quan (**)	142.244	142.244
Ký quỹ ngắn hạn	13.623	46.820
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	33.837	11.773
Phải thu từ các dịch vụ	11.547	11.547
Tạm ứng	6.523	7.359
Phải thu khác	27.793	44.647
	739.100	641.598
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ dài hạn	51.794	45.836
Lãi từ các hoạt động đầu tư cho vay phải thu	38.590	440.103
Phải thu khác (***)	1.356.983	1.383.086
	1.447.367	1.869.025

(**) Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Masan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

(***) Khoản phải thu khác phản ánh khoản phải thu Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được cân trừ với tiền thuê đất hàng năm.

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	28.589	2.064
Tăng do mua một công ty con	-	24.864
Tăng dự phòng trong năm	20.073	3.169
Sử dụng dự phòng trong năm	(58)	(599)
Hoàn nhập	(7.396)	(909)
	41.208	28.589

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	998.780	-	912.443	-
Nguyên vật liệu	2.800.811	(23.652)	1.939.680	(10.283)
Công cụ và dụng cụ	640.308	-	699.637	-
Sản phẩm dở dang	152.539	-	168.151	-
Thành phẩm	761.800	(3.513)	705.969	(5.906)
Hàng hóa	17.123	-	4.453	(434)
Hàng gửi đi bán	45.335	-	4.259	-
	5.416.696	(27.165)	4.434.592	(16.623)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một phần hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 20).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	16.623	22.318
Tăng dự phòng trong năm	63.172	94.987
Sử dụng dự phòng trong năm	(48.250)	(99.505)
Hoàn nhập	(4.380)	(1.177)
Số dư cuối năm	27.165	16.623

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	5.026.292	3.910.138	25.761	114.168	13.396.141	124.632	22.597.132
Tăng do mua một công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	67	7.432	524	8.023
Tăng trong năm	-	5.005	-	3.094	24.132	10.428	42.659
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ đang	-	2.097.913	58.428	16.139	2.783.152	12.114	4.967.746
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(25)	-	(25)
Chuyển (sang)/từ chi trả trước dài hạn	-	(1.624)	-	-	3.133	-	1.509
Thanh lý	-	(4.923)	-	(3.560)	(17.416)	(19.943)	(45.842)
Phân loại lại	-	(3.544)	56	5	6.398	2.658	5.573
Số dư cuối năm	5.026.292	6.002.965	84.245	129.913	16.202.947	130.413	27.576.775

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyên Triệu VND	Tổng Triệu VND
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	311.133	375.659	23.813	46.448	1.839.939	35.078	2.632.070
Khấu hao trong năm	197.289	315.290	11.440	22.679	1.088.527	25.200	1.660.425
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(22)	-	(22)
Thanh lý	-	(4.465)	-	(3.496)	(14.770)	(15.806)	(38.537)
Phân loại lại	-	(610)	822	1.087	1.498	2.776	5.573
Số dư cuối năm	508.422	685.874	36.075	66.718	2.915.172	47.248	4.259.509

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	4.715.159	3.534.479	1.948	67.720	11.556.202	89.554	19.965.062
Số dư cuối năm	4.517.870	5.317.091	48.170	63.195	13.287.775	83.165	23.317.266

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản cố nguyên giá 746.785 triệu VND (1/1/2016: 226.792 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Không có tài sản cố định hữu hình không được sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.555 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 11.261 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 64.989 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 836.939 triệu VND (1/1/2016: 936.938 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con và 12.977.974 triệu VND (1/1/2016: 10.976.469 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn phát hành bởi một công ty con (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	67.300
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	35.893
Khấu hao trong năm	13.460
Số dư cuối năm	49.353
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	31.407
Số dư cuối năm	17.947

Một công ty con của Công ty đã thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm theo thỏa thuận thuê tài chính (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất		Phần mềm		Thương hiệu		Quan hệ khách hàng		Tài nguyên nước khoáng		Quyền khai thác mỏ		Quyền khai thác nguồn nước khoáng		Tổng Triệu VND
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Số dư đầu năm	307.357	353.793	2.412.583	3.074.214	412.698	588.373	669.433	88.408	7.906.859						32.093
Tăng trong năm	3.654	842	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27.597	-	
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	26.155	876	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.795	-	28.826
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	21.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.758
Số dư cuối năm	332.769	380.790	2.413.459	3.074.214	412.698	588.373	669.433	117.800	7.989.536						
Giá trị hao mòn lũy kế															
Số dư đầu năm	26.520	58.273	308.526	373.671	7.594	35.919	92.096	2.595	905.194						
Khấu hao trong năm	10.075	44.189	151.363	197.279	21.934	30.550	138.143	5.223	598.756						
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(693)	-	-	-	-	-	-	-	(693)						
Số dư cuối năm	35.902	102.462	459.889	570.950	29.528	66.469	230.239	7.818	1.503.257						
Giá trị còn lại															
Số dư đầu năm	280.837	295.520	2.104.057	2.700.543	405.104	552.454	577.337	85.813	7.001.665						
Số dư cuối năm	296.867	278.328	1.953.570	2.503.264	383.170	521.904	439.194	109.982	6.486.279						

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản cố nguyên giá 46.199 triệu VND (1/1/2016: 21.637 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 570.939 triệu VND (1/1/2016: 611.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn phát hành bởi một công ty con (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	5.480.035	3.811.051
Tăng do mua một công ty con (Thuyết minh 5)	513	223.192
Tăng trong năm	2.660.537	3.825.674
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.967.746)	(2.118.246)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(28.826)	(242.864)
Chuyển từ công cụ và dụng cụ	-	397
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(14.494)	(449)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(769.143)	(17.874)
Thanh lý	(4.583)	(825)
Xóa sổ	(66)	(21)
	2.356.227	5.480.035
Số dư cuối năm	2.356.227	5.480.035

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1.678.197 triệu VND (1/1/2016: 1.039.805 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay và trái phiếu dài hạn của các công ty con của Công ty (Thuyết minh 20).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 200.407 triệu VND (2015: 319.610 triệu VND) (Thuyết minh 37).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Chi phí trước hoạt động Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Chi phí bồi thường đất Triệu VND	Trục in, công cụ và dụng cụ Triệu VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa Triệu VND	Chi phí khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	1.113.461	47.543	170.505	606.393	49.597	31.344	23.779	2.042.622
Tăng trong năm	104.324	-	42.065	-	54.281	-	141.647	342.317
Phân loại từ phải thu dài hạn	-	-	-	26.103	-	-	-	26.103
Tăng do mua một công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	1.203	-	-	1.203
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	154.987	554.295	59.577	-	284	769.143
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	(1.509)	-	-	(1.509)
Chuyển từ/(sang) tài sản cố định vô hình	-	-	(26.250)	-	-	-	3.799	(22.451)
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	3.696	-	(321)	3.375
Phân bổ trong năm	(66.876)	(21.724)	(14.752)	(66.937)	(63.243)	(3.134)	(49.909)	(286.575)
Tiền thuê đất trả trước được nhận lại	-	-	-	(4.178)	-	-	-	(4.178)
Phân loại lại	-	-	-	4.941	9.228	-	(14.169)	-
Thanh lý	-	-	-	(2)	(2)	-	-	(2)
Xóa sổ	-	-	(479)	-	-	-	-	(479)
Số dư cuối năm	1.150.909	25.819	326.076	1.120.617	112.828	28.210	105.110	2.869.569

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả và dự phòng	306.554	208.541
Lãi chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	6.718	5.196
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	313.272	213.737
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định hữu hình	(719.720)	(759.684)
Tài sản cố định vô hình	(854.124)	(933.069)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.573.844)	(1.692.753)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(1.260.572)	(1.479.016)

(ii) Biến động của các chênh lệch tạm thời trong năm như sau

	1/1/2016 Triệu VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	Được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	31/12/2016 Triệu VND
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí phải trả và dự phòng	208.541	29	97.984	306.554
Lãi chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	5.196	-	1.522	6.718
Tài sản cố định hữu hình	(759.684)	-	39.964	(719.720)
Tài sản cố định vô hình	(933.069)	-	78.945	(854.124)
	(1.479.016)	29	218.415	(1.260.572)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Lợi thế thương mại

	31/12/2016 Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.088.675
Tăng do mua một công ty con (Thuyết minh 5)	27.176
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.115.851
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	259.998
Phân bổ trong năm	111.350
	<hr/>
Số dư cuối năm	371.348
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	828.677
Số dư cuối năm	744.503
	<hr/>

17. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	161.055	116.597
Thuế tiêu thụ đặc biệt	52.489	62.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp	284.519	287.683
Thuế thu nhập cá nhân	41.996	31.682
Các loại thuế khác	6.050	5.614
	<hr/>	<hr/>
	546.109	504.532
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các loại thuế phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tăng do mua		Phát sinh Triệu VND	Nộp/hoàn lại Triệu VND	Cấn trừ/ phân loại lại 31/12/2016	
	1/1/2016 Triệu VND	một công ty con Triệu VND			Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	116.597	-	3.015.021	(572.402)	(2.398.161)	161.055
Thuế tiêu thụ đặc biệt	62.956	-	476.784	(487.251)	-	52.489
Thuế xuất nhập khẩu phải trả	-	-	363.681	(359.071)	(4.610)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.683	-	892.321	(895.387)	(98)	284.519
Thuế thu nhập cá nhân	31.682	111	172.263	(159.647)	(2.413)	41.996
Các loại thuế khác	5.614	-	426.783	(425.194)	(1.153)	6.050
	504.532	111	5.346.853	(2.898.952)	(2.406.435)	546.109

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398	398
Các loại thuế khác	11.392	20.998
	11.790	21.396

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	842.533	758.820
Chi phí lãi vay	571.195	481.026
Chiết khấu thương mại và chi phí hỗ trợ khách hàng truyền thống	973.440	445.632
Thuế và lệ phí tài nguyên môi trường	230.261	286.166
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phải trả	136.537	148.815
Chi phí tư vấn	35.737	120.873
Thưởng và lương tháng 13	239.235	91.612
Mua hàng nhưng chưa nhận hóa đơn	36.370	67.475
Chi phí vận chuyển	108.590	62.304
Chi phí trưng bày và nghiên cứu thị trường	47.024	32.874
Thuế nhà thầu	1.917	11.363
Chi phí khác	233.553	368.961
	3.456.392	2.875.921
Dài hạn		
Chiết khấu thương mại	34.243	-
Chi phí khác	2.921	-
	37.164	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả khác

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Cô tức phải trả	2.453.263	54.480
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	13.564	10.540
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	-	60.561
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn đã nhận	7.433	6.716
Phải trả cho cổ phần hóa một công ty con	-	81.605
Phải trả khác	53.733	184.571
	<hr/>	<hr/>
	2.527.993	398.473
	<hr/>	<hr/>
Phải trả dài hạn khác		
Ký quỹ, ký cược dài hạn đã nhận	28.470	22.804
Phải trả khác	2.465	75.009
	<hr/>	<hr/>
	30.935	97.813
	<hr/>	<hr/>

20. Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn (*)		
Vay ngắn hạn	7.947.513	5.302.490
Vay dài hạn đến hạn trả	670.827	3.064.135
	<hr/>	<hr/>
	8.618.340	8.366.625
	<hr/>	<hr/>
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn (**)		
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	33.143.225	30.317.247
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(670.827)	(3.064.135)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	32.472.398	27.253.112
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016		
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Triệu VND	Tăng do mua một công ty con (Thuyết minh 5) Triệu VND	Tăng Triệu VND	Hoàn trả Triệu VND	Phân loại lại từ các khoản vay dài hạn Triệu VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện Triệu VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Triệu VND
Vay ngắn hạn	5.302.490	50.000	22.442.654	(19.871.217)	-	23.586	7.947.513
Vay dài hạn đến hạn trả	3.064.135	-	-	(2.757.837)	364.529	-	670.827
	8.366.625	50.000	22.442.654	(22.629.054)	364.529	23.586	8.618.340

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Vay ngắn hạn				
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,4% - 8,0%	1.258.930	681.916
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	3,5% - 5,1%	831.418	1.732.671
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	4,4% - 5,0%	5.121.089	2.322.068
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	1,5% - 2,0%	165.395	-
Khoản vay không đảm bảo	USD	6,0%	570.681	565.835
			7.947.513	5.302.490

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- (i) 120 triệu cổ phiếu của MR.
- (ii) một phần hàng tồn kho và khoản phải thu ngắn hạn của một công ty con sở hữu gián tiếp.

() Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Vay dài hạn (a)	1.091.862	961.867
Vay chuyển đổi (b)	567.960	567.960
Trái phiếu thường (c)	31.458.105	28.747.968
Nợ thuê tài chính (d)	25.298	39.452
		33.143.225
		30.317.247

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
a. Vay dài hạn					
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	8,0% - 9,3%	2016-2020	293.512	961.867
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	0%	2018	798.350	-
				1.091.862	961.867
b. Vay chuyển đổi					
Credit Suisse Ag	USD	9,6% - 10,8%	2017	567.960	567.960
c. Trái phiếu thường					
(bao gồm chi phí phát hành)	VND	7,0% - 10,2%	2020-2024	31.458.105	28.747.968
d. Nợ thuê tài chính					
	VND	14,0%	2018	25.298	39.452

(a) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay dài hạn của Tập đoàn bao gồm:

- (i) các khoản vay bằng VND với số tiền là 293.512 triệu VND (1/1/2016: 581.868 triệu VND), được đảm bảo bằng một số tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ lần lượt là 836.939 triệu VND (1/1/2016: 936.938 triệu VND) (Thuyết minh 10) và 3.809 triệu VND.
- (ii) khoản vay bằng USD với số tiền là 798.350 triệu VND (tương đương 35 triệu USD). Xem Thuyết minh 7(d)(iii).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay chuyển đổi

Khoản vay từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited (“JD”) là một khoản vay bằng USD, được quyền chuyển đổi với số dư nợ gốc là 30 triệu USD.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này bao gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời gian từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2,0% một năm và 6,0% một năm. Trong thời gian từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4,0% một năm và 4,0% một năm. Trong thời gian từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6,0% một năm và 2,0% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu, giá chuyển đổi này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm.
- (iv) Công ty cũng ký một hợp đồng với Công ty Cổ phần Masan mà theo đó công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một số tiền mặt là 30 triệu USD cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm, trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2015, khoản vay này đã được điều chỉnh với ngày đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2016. Vào ngày 29 tháng 11 năm 2016, khoản vay này đã được điều chỉnh với ngày đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2017. Credit Suisse Ag, Singapore Branch (“CSA”) trở thành bên cho vay theo Thỏa thuận Tín dụng giữa Công ty, JD và CSA. Tất cả các điều khoản và điều kiện được trình bày ở trên theo như đã được thỏa thuận trước đó giữa Công ty và JD được giữ nguyên là thỏa thuận giữa Công ty và CSA.

(c) Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của các trái phiếu như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Trái phiếu thường	31.900.000	29.176.882
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(441.895)	(428.914)
	31.458.105	28.747.968

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) 6.000 tỷ VND (1/1/2016: 4.000 tỷ VND) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu được đảm bảo bằng 81,3 triệu cổ phiếu (1/1/2016: 81,3 triệu cổ phiếu) của MSC;
- (ii) 2.100 tỷ VND (1/1/2016: 2.100 tỷ VND) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 10 năm và chịu mức lãi suất năm là 8,0% trong 10 năm. Trái phiếu này được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility và đảm bảo bằng 80,3 triệu cổ phiếu (1/1/2016: 80,3 triệu cổ phiếu) của MSC;
- (iii) 9.000 tỷ VND (1/1/2016: 9.000 tỷ VND) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu được bảo lãnh bởi Công ty và đảm bảo bằng 129,6 triệu cổ phiếu (1/1/2016: 129,6 triệu cổ phiếu) của MSC;
- (iv) 3.700 tỷ VND (1/1/2016: 3.700 tỷ VND) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,5% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 70,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong ANCO và 65,8% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong Proconco (1/1/2016: 70,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong ANCO và 65,8% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong Proconco);
- (v) 1.300 tỷ VND (1/1/2016: không) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 3,5 triệu cổ phiếu (1/1/2016: không) của ANCO;
- (vi) 700 tỷ VND (1/1/2016: không) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 12,7 triệu cổ phiếu (1/1/2016: không) của Proconco;
- (vii) 8.100 tỷ VND (1/1/2016: 8.100 tỷ VND) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại; và
- (viii) 1.000 tỷ VND (1/1/2016: không) trái phiếu có thời gian đáo hạn là 2 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 2,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 155,7 triệu cổ phiếu (1/1/2016: không) của MR.

Các trái phiếu cũng được bảo đảm bằng một số tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 15.223.301 triệu VND (1/1/2016: 15.369.867 triệu VND) của các công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản đối với các khoản vay trên.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN.
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Nợ thuê tài chính

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2016			1/1/2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính		Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính		Nợ gốc
	Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND		Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND	
Trong vòng một năm	21.931	2.720	19.211	21.930	5.219	16.711
Trong vòng hai đến năm năm	6.266	179	6.087	25.064	2.323	22.741
	28.197	2.899	25.298	46.994	7.542	39.452

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Dự phòng quyền khai thác mỏ	561.742	561.241
Dự phòng chi phí phục hồi môi trường mỏ	22.603	20.987
Dự phòng trợ cấp thôi việc	40.949	33.707
	625.294	615.935

Biến động của dự phòng trong năm như sau:

	Quyền khai thác mỏ Triệu VND	Phí phục hồi môi trường mỏ Triệu VND	Trợ cấp thôi việc Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	561.241	20.987	33.707	615.935
Dự phòng lập trong năm	43.895	1.616	8.918	54.429
Dự phòng sử dụng trong năm	(30.000)	-	(1.676)	(31.676)
Cần trừ với thuế được hoàn lại	(13.394)	-	-	(13.394)
Số dư cuối năm	561.742	22.603	40.949	625.294

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông của Công ty Triệu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.358.081	9.631.164	(9.045.049)	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139
Phát hành cổ phiếu	109.098	(58)	-	-	109.040	-	109.040
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	14.022	14.022	(1.082.987)	(1.068.965)
Hợp nhất kinh doanh trong MNS	-	-	-	-	-	4.288.035	4.288.035
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	(1.679)	(1.679)	(1.477)	(3.156)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.478.292	1.478.292	1.048.958	2.527.250
Cổ tức đã phân phối của các công ty con	-	-	-	-	-	(666.846)	(666.846)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	(1.142)	(1.142)	(309)	(1.451)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.467.179	9.631.106	(9.045.049)	8.561.380	16.614.616	10.494.430	27.109.046

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/ HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Cổ phiếu quỹ Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Giá trị chưa phân phối Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty Triệu VND	Vốn chủ sở hữu		Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu VND	Tổng Triệu VND
									Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông của Công ty Triệu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu VND		
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 23)	7.467.179	7.467.179	9.631.106	(9.045.049)	-	-	8.561.380	16.614.616	10.494.430	-	27.109.046	
Mua cổ phiếu quỹ	213.578	213.578	1.018.690	-	(641.110)	-	-	1.232.268	-	-	1.232.268	
Giao dịch vốn chủ sở hữu	-	-	-	(381.909)	-	-	-	(381.909)	-	-	-	
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 7)	-	-	-	-	-	-	(2.060.328)	(2.060.328)	(6.165.737)	-	(8.226.065)	
Hợp nhất kinh doanh trong CDN (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	-	-	1.381	1.381	1.381	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.791.444	2.791.444	981.053	981.053	3.772.497	
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.276.524)	(2.276.524)	-	-	(2.276.524)	
Cổ tức đã phân phối của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(273.124)	(273.124)	(273.124)	
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	(1.874)	(427)	(427)	(1.154)	(1.154)	(1.581)	
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	-	-	-	-	-	-	(1.874)	(380)	(380)	(2.254)	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.680.757	7.680.757	10.649.796	(9.426.958)	(641.110)	(1.874)	7.015.545	15.276.156	5.036.469	-	20.312.625	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	768.075.674	7.680.757	746.717.861	7.467.179
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	768.075.674	7.680.757	746.717.861	7.467.179
Thặng dư vốn cổ phần	-	10.649.796	-	9.631.106
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(9.234.210)	(641.110)	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty đã mua 9.234.210 cổ phiếu quỹ với số tiền là 641.110 triệu VND.

Biến động của vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	746.717.861	7.467.179	735.808.140	7.358.081
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền	21.357.813	213.578	10.909.721	109.098
Số dư cuối năm	768.075.674	7.680.757	746.717.861	7.467.179

Công ty đã phát hành 9.357.813 cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền (Thuyết minh 36) và 12.000.000 cổ phiếu với giá mỗi cổ phiếu là 95.000 VND (xem Thuyết minh 7(d)(iii)). Khoản tiền thu được từ việc phát hành 12.000.000 cổ phiếu đã được sử dụng để chi trả cho các khoản vay của Công ty.

Trong tháng 12 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ là 50% trên mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn khác của chủ sở hữu

Biến động của vốn khác của chủ sở hữu trong năm như sau:

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	9.045.049	9.045.049
Giao dịch vốn chủ sở hữu (*)	206.366	-
Giao dịch vốn chủ sở hữu trong một công ty con (**)	175.543	-
	9.426.958	9.045.049
Số dư cuối năm	9.426.958	9.045.049

(*) Trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua MRG Limited với thời hạn là 4 năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ đã ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho bên cho vay trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Khoản vay chuyển đổi có lãi suất nửa năm là 5,0% trong năm thứ nhất, 6,0% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7,0% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại là 10,0% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- (ii) Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi (“Cổ phiếu chuyển đổi”) có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 VND một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 9,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 7,5 triệu cổ phiếu, được coi như là một công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty đã mua lại hai phần ba của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của MRG Limited, dẫn đến việc số lượng cổ phiếu chuyển đổi tối đa giảm xuống còn 3,2 triệu và số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu đã giảm xuống còn 2,5 triệu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Trong tháng 3 năm 2016, Công ty đã mua lại một phần ba còn lại của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của MRG Limited với số tiền là 266.927 triệu VND.

(**) ANCO đã phát hành một quyền chọn mua cho một thành viên của Hội đồng Quản Trị của một công ty con để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá tính trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong vòng 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được MNS mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc MNS và nỗ lực để gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Proconco.

25. Cổ tức

Trong tháng 12 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối cổ tức bằng tiền với tỷ lệ là 30% trên mệnh giá.

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	159.411	86.801
Trong vòng hai đến năm năm	150.453	126.464
Sau năm năm	152.914	164.498
	<hr/>	<hr/>
	462.778	377.763
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	766.264	794.265
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.236.996	1.048.718
	2.003.260	1.842.983

(c) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương triệu VND	Nguyên tệ	Tương đương triệu VND
USD	23.054.371	523.806	13.425.910	300.734
EUR	345	8	1.378	34
SGD	338	5	358	6
THB	97.959.692	60.637	-	-
		584.456		300.774

(d) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(s), một công ty con của Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm này. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán là thay đổi trong ước tính do thiếu cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá thị trường niêm yết trong tương lai tại LMB tại ngày thực hiện giao dịch.

Tổng doanh thu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã ghi nhận sơ bộ là 112 tỷ VND (2015: không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán và doanh thu khác	45.100.176	31.324.871
<hr/>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.748.440	606.034
▪ Hàng bán bị trả lại	54.672	90.427
	<hr/>	<hr/>
	1.803.112	696.461
	<hr/>	<hr/>
	43.297.064	30.628.410
	<hr/>	<hr/>

28. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán và doanh thu khác	30.308.187	20.725.976
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	58.792	93.810
	<hr/>	<hr/>
	30.366.979	20.819.786
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Thu nhập lãi từ:		
• Tiền gửi ngân hàng	579.836	355.444
• Hoạt động đầu tư cho vay khác	131.194	481.084
Lợi thế thương mại âm từ mua một công ty con	-	147.641
Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện	2.609	17.623
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	51.421	66.502
Thu nhập khác	4.134	314.009
	769.194	1.382.303

30. Chi phí tài chính

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay/phát hành trái phiếu của:		
• Ngân hàng	336.307	271.425
• Trái chủ	2.666.989	2.106.907
• Các bên khác	109.184	46.973
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.142	206.819
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện	30.142	12.014
Chi phí khác	60.462	70.563
	3.291.226	2.714.701

31. Chi phí bán hàng

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.882.343	2.349.885
Chi phí vận chuyển	916.393	842.352
Chi phí nhân viên	869.191	523.640
Chi phí trưng bày	54.311	55.158
Chi phí nghiên cứu thị trường	34.116	51.567
Chi phí khác	214.149	221.755
	4.970.503	4.044.357

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí nhân viên	606.130	591.940
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	586.973	383.671
Phân bổ lợi thế thương mại	111.350	109.518
Chi phí khấu hao và phân bổ	98.266	78.327
Chi phí nghiên cứu phát triển	33.225	21.225
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	130.959	86.993
Chi phí thuê văn phòng	52.522	47.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.632	76.258
Chi phí khác	175.324	269.259
	1.936.381	1.664.517

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	876.837	831.685
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	15.484	(14.151)
	892.321	817.534
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(218.415)	(150.674)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	32.619
	(218.415)	(118.055)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	673.906	699.479

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016		2015
	%	Triệu VND	%
			Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100,0%	4.446.403	100,0%
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20,0%	889.281	22,0%
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(12,5%)	(554.964)	(10,5%)
Ảnh hưởng của các giao dịch hợp nhất	0,4%	17.931	0,1%
Chi phí không được khấu trừ thuế	2,4%	108.066	4,0%
Thu nhập không bị tính thuế	(0,6%)	(28.031)	-
Ảnh hưởng của lãi từ các công ty liên kết	(4,4%)	(195.988)	(3,4%)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	10,3%	455.256	11,5%
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	0,3%	15.484	(0,4%)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	0,0%	-	1,0%
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(0,7%)	(33.129)	(2,6%)
	15,2%	673.906	21,7%

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% cho năm 2016 (2015: 22%).

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan thuế có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Bên liên quan khác			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	Khoản cho vay đã nhận	1.955.590	2.596.819
	Khoản cho vay đã trả	3.542.422	1.375.112
	Chi phí lãi vay	160.555	131.393
	Tiền thu trái phiếu đã nhận (*)	1.000.000	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho Ban quản lý chủ chốt (**)	105.497	72.049

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các trái phiếu này sẽ được niêm yết và bán cho một nhóm các nhà đầu tư dựa trên một thỏa thuận đã ký kết. Các thủ tục đăng ký trái phiếu với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được thực hiện trong tháng 1 năm 2017.

(**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

35. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 2.791.444 triệu VND (2015: 1.478.292 triệu VND) của Tập đoàn và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm là 1.133.768.236 cổ phiếu (2015: 1.122.829.258 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, cổ phiếu có thể được phát hành sau một thời gian xác định được coi là cổ phiếu đang lưu hành kể từ ngày phát sinh quyền đối với các cổ phiếu này, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.791.444	1.478.292

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
		(đã điều chỉnh lại)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	746.717.861	735.808.140
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành bằng tiền	5.277.494	5.111.130
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(2.511.392)	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu sẽ phát hành trong một thời gian xác định	9.542.291	11.450.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối năm (theo báo cáo trước đây)	759.026.254	752.369.623
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng sẽ phát hành	374.741.982	370.459.635
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối năm (đã điều chỉnh lại)	1.133.768.236	1.122.829.258

Trong tháng 2 năm 2017, 379.420.700 cổ phiếu phổ thông đã được phát hành làm cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ là 50% trên mệnh giá.

Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành vào đầu năm 2015 và 2016 đã được điều chỉnh lại để phản ánh số cổ phiếu thưởng đã phát hành trong năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc phát hành các cổ phiếu thưởng này.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.791.444	1.478.292

Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm không có ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2016	2015 (đã điều chỉnh lại)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cơ bản)	1.133.768.236	1.122.829.258
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	-	753.954
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	1.133.768.236	1.123.583.212

36. Chi trả bằng cổ phiếu

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 9.357.813 cổ phiếu cho nhân viên theo mệnh giá bằng tiền.

37. Các hoạt động đầu tư phi tiền tệ

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa trả	254.907	353.627
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	200.407	319.610
Chi phí khấu hao được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.731	3.876
Chuyển chi phí lãi vay thành nợ gốc vay	32.967	17.841

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

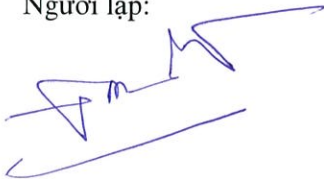
38. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Khoản chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ là 30% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu đã được thực hiện vào ngày 24 tháng 1 năm 2017.

Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ là 50% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu là vào ngày 24 tháng 1 năm 2017. Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để phát hành số cổ phiếu thưởng này cho các cổ đông trong tháng 2 năm 2017.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



1

))
))
))
))